TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/DS-ST
Ngày 27-01-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Đình Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 284/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ: Số 111A Pasteur, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1999; ông Lê Trọng N, sinh năm 1999; địa chỉ liên lạc: Số 100 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 235130.25 ngày 08/8/2025), có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1972 và bà Lê Thị H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 1, ấp 1B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q trình bày như sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và ông Lê Văn T, bà Lê Thị H đã ký kết các Hợp đồng tín dụng số 1377401.23 ngày 06/04/2023 với nội dung Ngân hàng Thương mại Cổ phần Qcho ông Lê Văn T và bà Lê Thị H vay số tiền 1.100.000.000 đồng, mục đích vay vốn bù đắp vốn tự có nhận chuyển nhượng bất động sản theo thửa đất số 398, tờ bản đồ số 49, địa chỉ ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (nay là xã Phú Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh), thời hạn vay 216 tháng, từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân đến ngày 11/04/2041, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân 13%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%/năm. Ngày 11/04/2023, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Lê Văn T và bà Lê Thị Hvới số tiền 1.100.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1377401.23 ngày 11/04/2023 theo đúng yêu cầu của ông Lê Văn T và bà Lê Thị H. Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ ngày 15/5/2023, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Lê Văn T và bà Lê Thị Hchi tiết số thẻ như sau 513892*****7820, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, loại thẻ VIB Online Plus 2In1, lãi suất, phí theo chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng.

Để đảm bảo khoản vay, ông T và bà H đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 376, tờ bản đồ số 14, địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY433497, số vào sổ cấp GCN CS04270 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/03/2021 đứng tên ông Lê Văn T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1977632.23.668 ngày 10/4/2023 do Văn phòng công chứng Trần Thị Thanh Mai, tỉnh Bình Dương công chứng số 02880, quyển số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/04/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Văn T và bà Lê Thị H vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký; khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 20/12/2023. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Qkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Lê Văn T và bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm tính đến ngày 26/01/2026 là 1.533.599.836 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.064.349.000 đồng; nợ lãi trong hạn

84.803.888 đồng; nợ lãi quá hạn 382.273.812 đồng; nợ thẻ tín dụng 2.173.136 đồng.

Kể từ ngày 27/01/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Lê Văn T và bà Lê Thị H tiếp tục phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong trường hợp ông Lê Văn T và bà Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 376, tờ bản đồ số 14, địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY433497, số vào sổ cấp GCN CS04270 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/03/2021 đứng tên ông Lê Văn T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1977632.23.668 ngày 10/4/2023 do Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh Mai, tỉnh Bình Dương công chứng số 02880, quyển số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/04/2023.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.

** Tại bản tự khai 11/12/2025 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 11/12/2025, bị đơn ông Lê Văn T và bà Lê Thị H trình bày:*

Vợ chồng ông Lê Văn T và bà Lê Thị H có vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 1.100.000.000 đồng. Nay ông bà đồng ý giao đất cho Ngân hàng, đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không ý kiến gì khác.

- Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 429, Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/01/2026 là 1.533.599.836 đồng. Đồng thời, ông T và bà H phải thanh toán khoản lãi phát

sinh theo hợp đồng cho vay nêu trên từ ngày 27/01/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông T và bà H không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn, yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng, trường hợp bị đơn không thể thanh toán nợ thì yêu cầu xử lý, kê biên tài sản bảo đảm nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Văn T và bà Lê Thị H có đăng ký thường trú và sinh sống tại tổ 1, ấp 1B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc có mặt, vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Văn T và bà Lê Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T, bà Lê Thị H phải thanh toán khoản nợ (nợ gốc, nợ lãi, nợ thẻ tín dụng) theo Hợp đồng tín dụng số 1377401.23 ngày 06/04/2023, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1377401.23 ngày 11/04/2023, Đề nghị phát hành thẻ ngày 15/5/2023; yêu cầu tuyên xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất tại thửa số 376, tờ bản đồ số 14, địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY433497, số vào sổ cấp GCN CS04270 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/03/2021 cho ông Lê Văn T theo Hợp đồng

thế chấp quyền sử dụng đất số 1977632.23.668 ngày 10/4/2023 do Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh Mai, tỉnh Bình Dương công chứng số 02880, quyển số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/04/2023 trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ. Bị đơn ông Lê Văn T và bà Lê Thị H thống nhất đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, không có ý kiến gì khác. Xét, việc thống nhất thừa nhận và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q của ông T, bà H là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2.2] Về mức lãi suất và yêu cầu thanh toán tiền lãi: Việc thỏa thuận về mức lãi suất vay trong hạn, lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ của các bên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm; khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà không cần phải điều chỉnh. Bị đơn ông T, bà H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên yêu cầu thanh toán tiền lãi của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.3] Đối với yêu cầu thanh toán lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông T, bà H phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Theo nội dung của hợp đồng thế chấp, ông T, bà H không trả được nợ thì ông T, bà H cam kết dùng tài sản thế chấp để Ngân hàng xử lý nhằm đảm bảo thu hồi nợ vay. Bị đơn ông T, bà H thống nhất giao đất cho Ngân hàng xử lý. Do đó, trong trường hợp ông T, bà H không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì ông T, bà H vẫn có nghĩa vụ trả hết nợ còn lại cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy các hợp đồng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn đều trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật; bị đơn ông T, bà H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo quy định tại

Điều 466 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các quy định khác của luật như đã phân tích nêu trên.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Lê Văn T và bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ)

Bị đơn ông Lê Văn T và bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới chịu chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 157; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Điều 298, Điều 299, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đối với bị đơn Lê Văn T và bà Lê Thị H về việc "tranh chấp về hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Lê Văn T và bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền tính đến ngày 26/01/2026 là

1.533.599.836 đồng (một tỷ, năm trăm ba mươi ba triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc là 1.064.349.000 đồng (một tỷ, không trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng); nợ lãi trong hạn 84.803.888 đồng (tám mươi tư triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng); nợ lãi quá hạn 382.273.812 đồng (ba trăm tám mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm mười hai đồng); nợ thẻ tín dụng 2.173.136 đồng (hai triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 27/01/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Văn T và bà Lê Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q với ông Lê Văn T và bà Lê Thị H.

Trường hợp ông Lê Văn T và bà Lê Thị H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền kê biên, xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 376, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY433497, số vào sổ cấp GCN CS04270 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/03/2021 cho ông Lê Văn T.

Sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm nêu trên mà không đủ để tất toán khoản vay thì ông Lê Văn T và bà Lê Thị H tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đến khi trả nợ xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 24.392.656 đồng (hai mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm năm mươi sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021261 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới chịu số tiền 58.007.995 đồng (năm mươi tám triệu, không trăm lẻ bảy nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng).

3. Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ)

Bị đơn ông Lê Văn T và bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới chịu số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã tạm ứng, nên ông Lê Văn T, bà Lê Thị H có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

4. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Cảnh